TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 6- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Quỳnh

2. Bà Lò Thị Hiêng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B*** *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Cà Thị B; Địa chỉ: Bản T, xã M, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Cà Văn B; Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã M, thành phố Đ, tỉnh B; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 01, phân trại số 02, trại giam T, phường H, thành phố T, tỉnh T (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị B và anh Cà Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2012 tại UBND xã M, huyện B (Nay là thành phố Đ), tỉnh B. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, anh B thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình, anh B lao vào con đường nghiện ngập ma túy, mặc dù chị B đã cố gắng khuyên can, hàn gắn nhưng anh B vẫn không thay đổi được, đến ngày 05/4/2021 anh B bị bắt và hiện đang chấp hành án về tội tàng trữ

trái phép chất ma túy tại trại giam T, phường H, thành phố T, tỉnh T. Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Cà Đức Huy - Sinh ngày 24/12/2013. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại các bản tự khai anh Cà Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B và chị B lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B (Nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh tại bản T, xã M, thành phố Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì phát sinh. Anh bị bắt ngày 05/4/2021 về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị xử phạt 20 tháng tù, hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 01, phân trại số 02, trại giam T, phường H, thành phố T, tỉnh T. Nay chị B xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương yêu chị B.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Cà Đức Huy - Sinh ngày 24/12/2013, cháu Huy hiện đang ở cùng với ông bà nội. Anh B không đưa ra quan điểm về việc giải quyết con chung.

- Về tài sản và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 01, phân trại số 02, trại giam T, phường H, thành phố T, tỉnh T nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án không giải quyết cho chị B ly hôn, đề nghị Tòa án không xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2022, trưởng bản T, xã Nà Tấu, thành phố Đ, tỉnh B xác nhận:

Chị B và anh B có hộ khẩu đăng ký tại xã M, thành phố Đ, tỉnh B và sinh sống tại nhà bố mẹ anh B tại bản T, xã M. Trong quá trình sinh sống, chính quyền địa phương chưa bao giờ phải can thiệp hay chứng kiến các mâu thuẫn của vợ chồng anh B, chị B. Anh B bị bắt và đang chấp hành án về tội ma túy tại trại giam T, phường H, thành phố T, tỉnh T, còn chị B hiện đã về sinh sống tại nhà mẹ đẻ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thấy rằng Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thao tác tố tụng đã tuân thủ là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của chị Cà Thị B đối với anh Cà Văn B. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị B được ly hôn với anh Cà Văn B.

Về con chung: Giao con chung là cháu Cà Đức Huy- Sinh ngày 24/12/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Cà Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Cà Thị B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cà Văn B trước khi đi chấp hành án có địa chỉ cư trú tại xã M, thành phố Đ. Nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị B và anh B được xây dựng trên cơ sở tự nguyên, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố Đ nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị B cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, anh B thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình, anh B nghiện ma túy và đang phải chấp hành hình phạt tù tại Đội 01, phân trại số 02, trại giam T, phường H, thành phố T, tỉnh T về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa chị B vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Tại các bản tự khai của anh B, anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị B, vì anh vẫn còn yêu thương chị B.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù anh B cho rằng mình vẫn còn yêu thương chị B, nhưng trong đơn khởi kiện, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B khẳng định chị không còn tình cảm với anh B, trước khi anh B bị bắt, tình cảm vợ chồng đã không còn, không ai còn quan tâm đến ai, chị tha thiết đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh B.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị B được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị B và anh B thống nhất có một con chung là cháu Cà Đức Huy - Sinh ngày 24/12/2013. Nguyện vọng của chị B là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Huy, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B không đưa ra quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, anh B hiện đang trong thời gian chấp hành án, cháu Huy cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ, nên việc để chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản và nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cà Thị B về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Cà Thị B được ly hôn với anh Cà Văn B;

1.2. Về con chung: Chị B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cà Đức Huy - Sinh ngày 24/12/2013, đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị B không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

chị Cà Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0001834 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2022), anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh B;
- UBND xã M, TP. ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Thúy Thành